

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974; thường trú: Số 2A/2 khu phố Đ, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Quý D, sinh năm 1966; thường trú: Số 2A/2 khu phố Đ, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 239/11/30 đường C, khu phố C1, phường T2, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Trần Quý D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An B, huyện D (nay là phường B, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyền số 0I, ngày 20/12/2000.

Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống. Đến nay mâu thuẫn hai bên càng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D có hai con chung tên Trần Anh T1, sinh ngày 09/7/2001 và Trần Nguyên T, sinh ngày 14/6/2004. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyên T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Trần Anh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Quý D:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để lấy lời khai, làm việc đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại bản tự khai ngày 02/4/2022, cháu Trần Nguyên T trình bày:* Con là con của bố Trần Quý D và mẹ Nguyễn Thị Mỹ L. Trường hợp bố, mẹ ly hôn con xin ở với mẹ. Những lời khai trên của con là hoàn toàn sự thật, không bị ai ép buộc.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/6/2022 chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Con chung Trần Nguyên T, sinh ngày 14/6/2004 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung.

- *Ngày 01/4/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường An Bình và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Nguyễn Thị Mỹ L không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình tiến hành hòa giải cơ sở. Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình, thành phố Dĩ An cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện anh Trần Quý D yêu cầu được ly hôn và nuôi con nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Tuy nhiên, ngày 16/6/2022 chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị L không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp “xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.2] Chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trần Quý Dũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Dĩ An (nay là phường An Bình, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số hôn số 111, quyển số 0I, ngày 20/12/2000 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh Trần Quý D có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D có hai con chung tên Trần Anh T1, sinh ngày 09/7/2001 và Trần Nguyên T, sinh ngày 14/6/2004. Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với bị đơn anh Trần Quý D về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Quý D (Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 0I do Ủy ban nhân dân xã B, huyện D (nay là phường B, thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/12/2000).

1.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Quý D có hai con chung tên Trần Anh T1, sinh ngày 09/7/2001 và Trần Nguyên T, sinh ngày 14/6/2004. Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003568 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương